



**CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP DỠ VÀ
DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

TP. HCM, tháng 03, năm 2013

Thông điệp Chủ tịch Hội Đồng Quản trị

Kính thưa quý cổ đông,

Trong năm qua, nền kinh tế Việt Nam vẫn chưa thực sự phục hồi do tác động chung từ tình hình khó khăn của nền kinh tế thế giới. Điều này đã gây ra không ít bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh của các đối thủ tại địa bàn Cảng Sài Gòn cũng như những cảng khác trong khu vực, việc thiếu hụt nguồn nhân lực phục vụ sản xuất, những thay đổi về quy định, quy chế trong hoạt động xếp dỡ tại cảng,... cũng là những khó khăn cản trở sự phát triển của công ty. Trong bối cảnh đó, những người nắm giữ trách nhiệm điều hành doanh nghiệp như chúng tôi càng phải nỗ lực hơn nữa để dẫn dắt công ty vượt qua trở ngại, vững bước tiến lên.

Với sự hỗ trợ hết mình từ phía cán bộ công nhân viên, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2012 khép lại với những thành quả đáng khích lệ. Doanh thu thực hiện vượt 13.30% chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 16,895 triệu đồng tăng 30.70% so với năm 2011. Kết quả này là phần thưởng đáng khích lệ cho những cố gắng của toàn thể công ty trong năm qua.

Điều này cũng cho thấy những cải tiến về tổ chức cũng như hoạt động kinh doanh trong năm qua đã bắt đầu đem lại kết quả tích cực. Với đà phát triển như hiện nay, tôi tin tưởng rằng con thuyền SASTECO sẽ tiếp tục vững vàng trước mọi con sóng của nền kinh tế và sẽ tiếp tục phát triển để theo đuổi những mục tiêu dài hạn hơn.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần Xếp Dỡ và Dịch Vụ Cảng Sài Gòn, tôi xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến sự quan tâm và hỗ trợ hết mình của Ban lãnh đạo Cảng Sài Gòn, các cơ quan ban ngành, sự tin tưởng và ủng hộ của quý cổ đông và các nhà đầu tư.

Tôi cũng xin gửi lời tri ân sâu sắc đến toàn thể cán bộ công nhân viên, những người đã có đóng góp quan trọng nhất cho sự phát triển của công ty hôm nay.

Trân trọng!

NGUYỄN QUỐC HƯNG
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



Báo cáo Thường niên 2012

MỤC LỤC

Thông tin chung

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Tổ chức bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị
2. Hoạt động của Ban kiểm soát
3. Thù lao và của HĐQT, BGD, BKS

Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Thông tin chung



- Giới thiệu công ty
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Tổ chức bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển



CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN



Giới thiệu công ty

Tên giao dịch

SASTECO

**Giấy chứng nhận
ĐKKD**

0310346174 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp; đăng ký thay đổi lần 1 vào ngày 02/12/2011

Vốn điều lệ

40,500,000,000 VND

Bốn mươi tỷ năm trăm triệu đồng

Vốn đầu tư CHS

40,500,000,000 VND

Địa chỉ

1B Trương Đình Hội, P. 18, Q. 4, Tp. HCM

Số điện thoại

(84.8) 39415698 - 39415706 – 39415397

Số fax

(84.8) 39425393 – 39415430

Website

www.sasteco.vn

Mã cổ phiếu

SASC

Quá trình hình thành và phát triển



Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động

Ngành nghề kinh doanh

- Bốc xếp hàng hóa.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, dịch vụ cung ứng tàu biển.
- Dịch vụ logistics.
- Dịch vụ đóng gói
- Đại lý, môi giới, đấu giá.
- Sửa chữa máy móc thiết bị
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác, dịch vụ vệ sinh tàu biển
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí. Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác.
- Bán và cho thuê thiết bị.



Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động

Địa bàn hoạt động

SASTECO là đơn vị được ưu tiên hoạt động và chịu trách nhiệm xếp dỡ, giao nhận, đóng gói hàng hóa của Cảng Sài Gòn đồng thời trải dài trên các tuyến phao.

Ngoài Cảng Sài Gòn là địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ chủ yếu. Công ty còn đang triển khai mở rộng thị phần hơn ra các cảng và phao khác ở khu vực TP. HCM bao gồm cảng Bến Nghé, Tân Thuận Đông, Lotus,...khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, khu vực Cái Mép – Thị Vải, Phú Mỹ, Bà Rịa - Vũng Tàu.

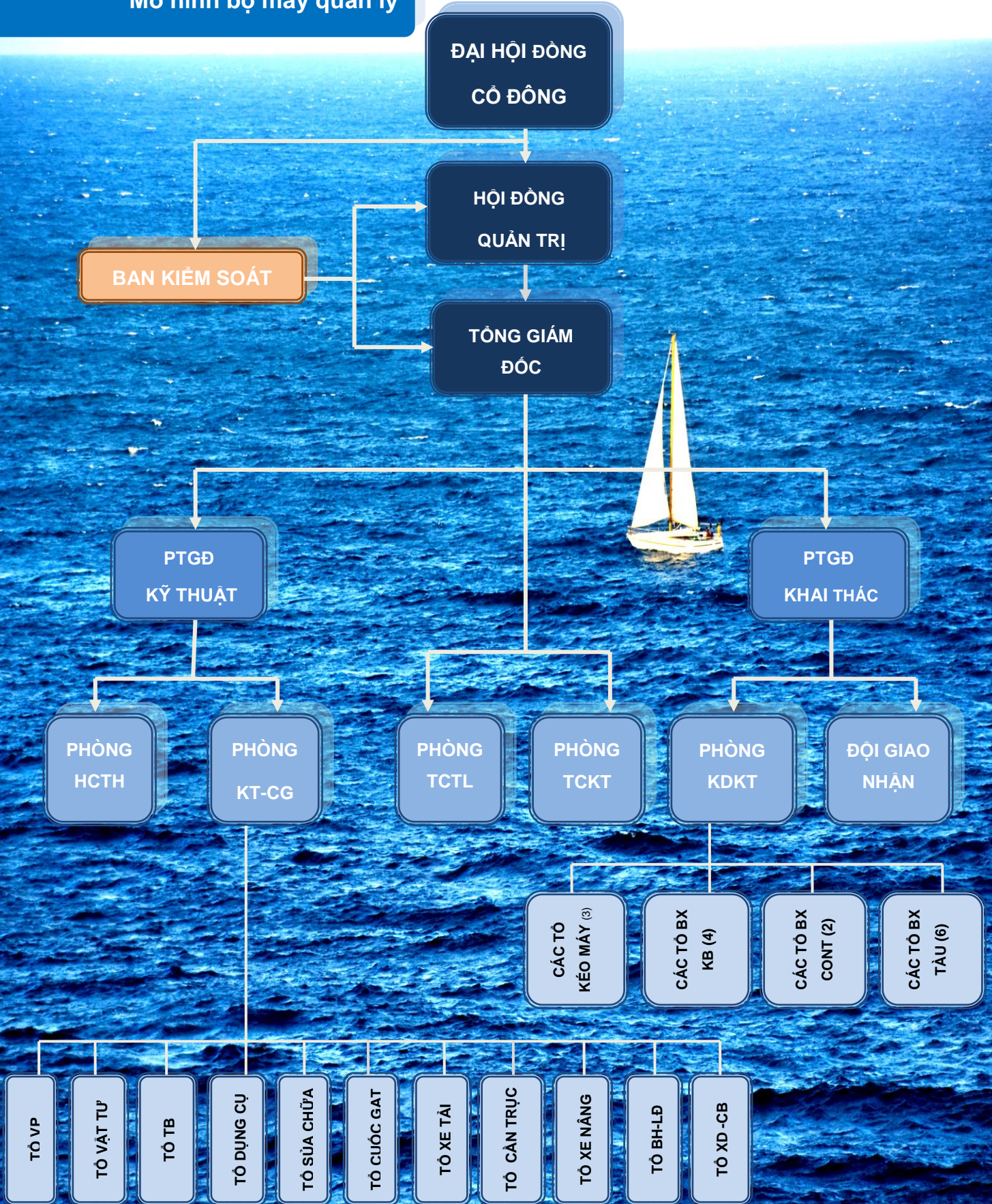


Khu vực Cảng Sài Gòn



Khu vực Cái Mép – Thị Vải

Mô hình bộ máy quản lý



Được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, học hỏi kinh nghiệm từ những doanh nghiệp cùng hoạt động trong ngành dịch vụ hỗ trợ vận tải và đặc biệt là dịch vụ hàng hải, Ban điều hành công ty luôn nỗ lực hết sức trong việc cải tiến cơ cấu tổ chức nhằm đạt được hiệu suất làm việc và khả năng quản lý công việc cao nhất. Từ khi cổ phần hóa đến nay, cơ cấu tổ chức đã có nhiều thay đổi và ngày càng hoàn thiện hơn.

Các phòng ban được tái cơ cấu lại nhằm chuyên môn hóa nhiệm vụ của mình. Tổng Giám đốc hiện nay có hai Phó Tổng Giám đốc phụ trách hai mảng hoạt động lớn của SASTECO là mảng Khai thác và mảng Kỹ thuật. Một trong những cải tiến đáng chú ý là các Tổ sản xuất trước đây đã được chuyên môn hóa vào từng mảng cũng như từng nhiệm vụ riêng biệt. Điều này làm giảm sự chồng chéo nhiệm vụ, phân tán nhân lực, đồng thời giảm thiểu khó khăn trong quản lý nguồn lực khi cần thiết.

Việc phân bổ, chuyên biệt hóa nhiệm vụ còn giúp công nhân viên hiểu rõ hơn nhiệm vụ họ thực hiện, qua đó đóng góp sáng tạo cho những cải tiến cần thiết sau này, phù hợp với mục tiêu giảm chi phí và tiết kiệm nguồn lực của công ty.

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Logistics Tân Thuận Phong

- **Địa chỉ:** Số 1B Trương Đình Hội, Phường 18, Quận 4, TP. HCM
- **Vốn điều lệ:** 5,000,000,000 đồng
- **Tỷ lệ sở hữu:** 40%
- **Ngành nghề kinh doanh chính:** bốc xếp, giao nhận và đóng gói hàng hóa, Logistics,...

Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu

Từ khi được thành lập đến nay, SASTECO luôn tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh hướng tới các mục tiêu cụ thể như sau:

- Sử dụng nguồn vốn hiệu quả nhằm đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh chính của công ty.
- Khai thác cung cấp dịch vụ cảng biển nhằm đáp ứng nhu cầu của Cảng Sài Gòn và mở rộng khu vực cung cấp dịch vụ đến các cảng khác trong khu vực.
- Tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông, thu hút nhà đầu tư, giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động, đóng góp vào ngân sách Nhà Nước theo đúng quy định.
- Phát triển thành một doanh nghiệp lớn mạnh, có khả năng cạnh tranh trong ngành và khu vực.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Kinh tế Việt Nam vẫn còn trong giai đoạn tăng trưởng chậm và các diễn biến trái chiều vẫn không thể dự báo chính xác. Vì vậy, Hội đồng quản trị cũng như Ban điều hành đã đề ra các nhiệm vụ chiến lược cần thực hiện nhằm duy trì hoạt động kinh doanh và nắm bắt những cơ hội phát triển tiềm năng cho công ty.

Trong ngắn hạn: SASTECO tiếp tục củng cố và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, sắp xếp lại các tổ bộ xếp, cơ giới, giao nhận và đóng gói nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đủ khả năng đáp ứng yêu cầu của các Cảng trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Cảng Sài Gòn và các cảng, bến phao tại khu vực TP. Hồ Chí Minh.

Mục tiêu trung hạn: Xây dựng thương hiệu SASTECO, tiếp tục đầu tư trang thiết bị mới và hợp tác kinh doanh với các đối tác, chủ hàng nhằm nâng cao khả năng cung cấp dịch vụ, tiếp cận những thị trường tiềm năng, đa dạng hóa thị trường hoạt động.

Trong dài hạn: Phát triển thương hiệu SASTECO và đẩy mạnh hoạt động Logistics được xem là bước đi chủ đạo của công ty. Đồng thời, công ty còn có định hướng phát triển thêm dịch vụ cho thuê phương tiện, trang thiết bị, kinh doanh kho bãi, và các dịch vụ hàng hải khác phù hợp với ngành nghề kinh doanh.

Mục tiêu với môi trường xã hội và cộng đồng của công ty

Bên cạnh việc tập trung thực hiện các mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty luôn quan tâm thực hiện các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

- Trong năm 2012, SASTECO đã thực hiện nhiều hoạt động xã hội, chủ yếu hướng về người lao động trong công ty, nhằm làm tăng tính đoàn kết trong tập thể cũng như tạo những giây phút thoải mái sau những giai đoạn hoạt động kinh doanh.
- Công ty phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn tổ chức thành công Hội nghị người lao động và Đại hội Công đoàn, Đại hội Hội cựu chiến binh công ty năm 2012, để nắm bắt tình hình người lao động, xem xét những yêu cầu từ phía nhân viên và giải quyết kịp thời những mâu thuẫn tiềm ẩn.
- Ngoài ra, công ty còn tổ chức Hội thao nhân ngày thành lập công ty với những môn thi đấu quen thuộc như bóng bàn, bóng đá, quần vợt. Góp vui với Hội thao còn có sự tham gia của các đơn vị khách hàng, các cảng khác trực thuộc Cảng Sài Gòn.
- Các công trình thanh niên, công trình công đoàn, cựu chiến binh, cũng được tổ chức với sự tham gia hưởng ứng nhiệt liệt của đông đảo tập thể CBCNV, đoàn viên thanh niên, tạo không khí thi đua sôi nổi trong toàn công ty. Kết quả mang lại là việc thực hiện thành công một số công trình thanh niên do Đoàn cấp trên phát động và các công trình giải phóng tàu nhanh đạt hiệu quả cao.
- Bên cạnh đó, công ty còn tổ chức cho một số hội viên Hội Cựu chiến binh Cảng Sài Gòn tham gia chuyến tham quan giao lưu tại một số tỉnh miền Tây. Đồng thời cử CBCNV đại diện tham gia hội thao chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3. Hội thao, văn nghệ kỷ niệm 101 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước và 32 năm ngày truyền thống Công nhân Cảng Sài Gòn.
- Ngoài các hoạt động phong trào đoàn thể nêu trên, trong năm 2012, SASTECO còn tham gia một số hoạt động từ thiện, góp phần phục vụ công tác an sinh xã hội của địa phương như: quyên góp tiền cùng UBND Phường 18, Quận 4, TP. HCM chăm lo tết cho người có hoàn cảnh khó khăn trong khu vực, ủng hộ quỹ phòng chống lụt bão, tài trợ quỹ khuyến học Vinacam do Công ty Cổ phần Vinacam thành lập,...

Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Năm 2012, do ảnh hưởng từ khó khăn chung của nền kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam đã gánh chịu một phần tác động không nhỏ với tốc độ tăng trưởng GDP chỉ đạt 5.03% trong khi CPI tăng 6.81%. Hoạt động xuất nhập khẩu cũng vì thế mà bị ảnh hưởng. Là công ty hoạt động trong lĩnh vực vận chuyển, bốc xếp hàng hóa, một khi tình hình xuất nhập khẩu thay đổi sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Sasteco chịu sự chi phối của các Luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Thuế,... Ngoài ra, là đơn vị hoạt động trên địa bàn Cảng Sài Gòn nên Sasteco còn chịu sự chi phối của các quy định được Cảng đề ra. Mọi thay đổi trong các Luật và Quy định nêu trên đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Rủi ro đặc thù ngành

Hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ vận tải, Sasteco chịu ảnh hưởng trực tiếp từ nhu cầu dịch vụ từ địa bàn các cảng mà công ty đang hoạt động cũng như số lượng tàu cập cảng hằng năm. Ngoài ra, công tác bốc xếp hàng hóa của công ty đòi hỏi số lượng lao động phổ thông lớn, đặc biệt là trong mùa hoạt động. Vì vậy, rủi ro về nhân sự luôn là vấn đề được công ty đặc biệt chú trọng.

Rủi ro tỷ giá

Hoạt động kinh doanh của Sasteco phục vụ cho nhiều ngành nhiều lĩnh vực, đặc biệt là xuất nhập khẩu. Do đó, khi tỷ giá ngoại tệ thay đổi sẽ tác động đến giá cả hàng hóa xuất nhập khẩu kéo theo những thay đổi trong giá cả vận tải hàng hóa trên thị trường. Điều này tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

DOANH THU ▲



CHI PHÍ ▼



LỢI NHUẬN ▲



SASTEKO

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
 - Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
 - Tình hình tài chính
 - Cơ cấu cổ đông

NHÂN SỰ ▼



THU NHẬP CBCNV ▲



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2012, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, nhưng ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên công ty đã có nhiều nỗ lực, cố gắng tập trung chỉ đạo, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, đảm bảo sự phát triển ổn định, hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.

Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu đề ra cho năm 2012 cụ thể như sau:

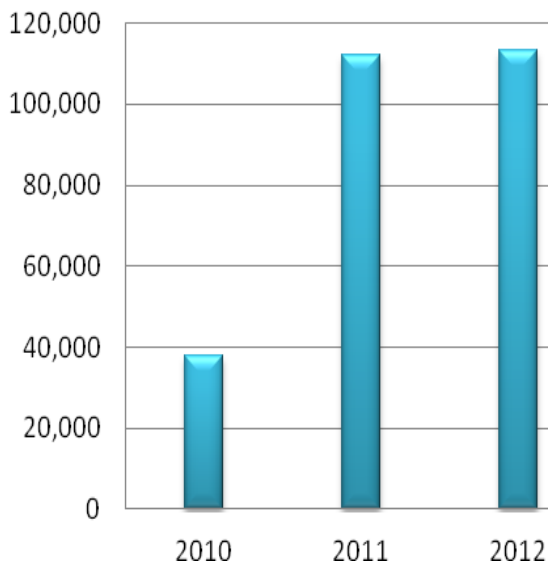
Về doanh thu thuần: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty năm 2012 đạt 113,300 triệu đồng tăng 1.03% so với doanh thu thuần năm 2011.

Lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 4,046 triệu đồng tăng 0.8% so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, con số này chỉ đạt 97.5% lợi nhuận sau thuế năm 2011. Nguyên nhân của sự giảm sút này chủ yếu là do chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tăng cao. Cụ thể là khoản chi 3.5 tỷ chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã đội chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 31.3% so với năm 2011.

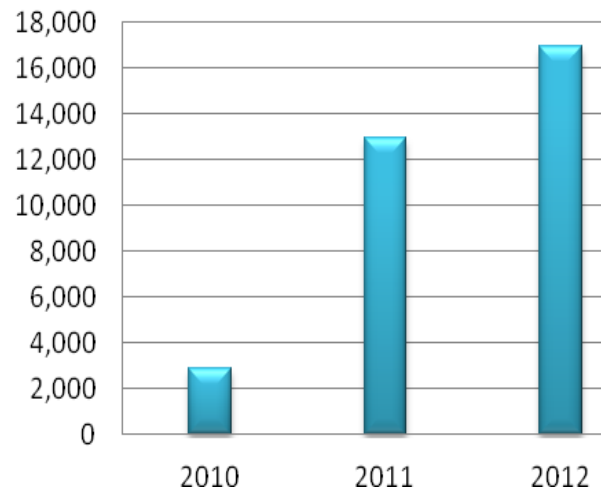
Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	TH 2011	TH 2012	% 2012/2011	KH 2012	% TH/KH 2012
1	Doanh thu	112,149	113,300	1.03%	100,000	13.30%
2	Chi phí	111,209	111,303	0.08%	94,648	17.60%
3	Lợi nhuận trước thuế	5,579	5,433	(2.62)%	5,352	1.52%
4	Lợi nhuận sau thuế	4,151	4,046	(2.53)%	4,014	0.8%
5	Cổ tức	8%	8%	-	8%	-

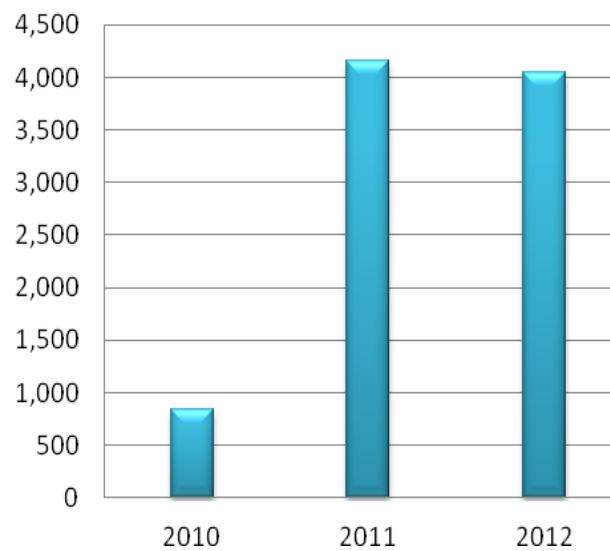
Doanh Thu Thuần



Lợi Nhuận Gộp Từ Hoạt Động Kinh Doanh



Lợi Nhuận Sau Thuế

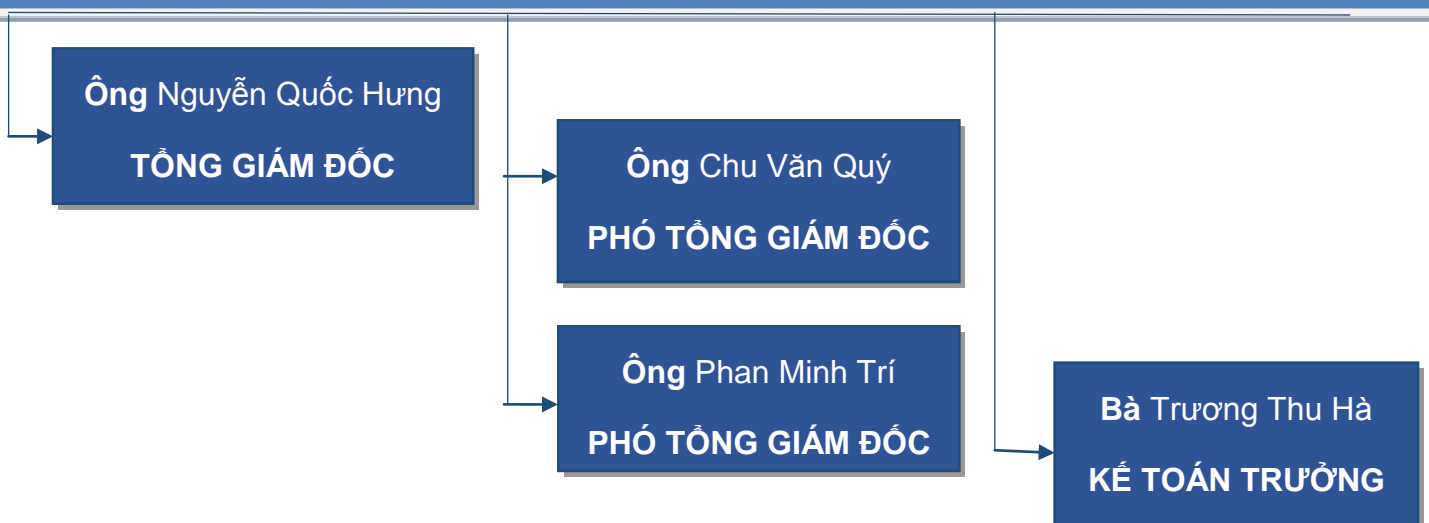


- Đơn vị tính: triệu đồng

Tổ chức và nhân sự



THÔNG TIN BAN ĐIỀU HÀNH



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Quốc Hưng

- Ngày sinh: 16/6/1971
- Là đại diện vốn cho Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn
- Đồng thời là Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị SASTECO.
- Cổ phần đại diện: 1,272,800 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu: 31.43%

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Chu Văn Quý

- Ngày sinh: 03/5/1955
- Cổ phần sở hữu: 3,000 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu: 0.074%

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Phan Minh Trí

- Ngày sinh: 10/06/1962.
- Cổ phần sở hữu: 41,500 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu: 1.025%

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Trương Thu Hà

- Ngày sinh: 12/09/1970
- Cổ phần sở hữu: 5,300 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu: 0.13%



Những thay đổi trong Ban điều hành

Ngày 27/04/2012, HĐQT Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn đã có Nghị quyết số 234/NQ – HĐQT chấp thuận miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn của ông Hoàng Đình Thắng. Như vậy, hiện thành phần Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn gồm các ông:

- Tổng giám đốc: Ông Nguyễn Quốc Hưng
- Phó Tổng giám đốc: Ông Chu Văn Quý
- Phó Tổng giám đốc: Ông Phan Minh Trí

Cơ cấu lao động

Số lượng nhân viên của công ty thay đổi theo quy mô tăng trưởng cũng như nhu cầu dịch vụ từng thời điểm trong năm. Tính đến ngày 01/01/2013 công ty có tổng số lao động là 891 lao động trong đó có 830 nhân viên chính thức. Năm 2012 số nhân viên giảm 117 người nguyên nhân là do công ty tiến hành sắp xếp lại bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn nhằm tăng năng suất lao động cũng như hiệu quả hoạt động của công ty.

Với số lượng lao động lớn và chủ yếu là lao động phổ thông, SASTECO đã góp phần giải quyết vấn đề việc làm, tạo công việc và thu nhập ổn định cho nhiều người lao động.

Tổng số nhân viên có cấu trúc như sau:

Công nhân viên trực tiếp: 741 (gồm 682 lao động chính thức và 59 lao động thời vụ)

Công nhân viên gián tiếp – phục vụ: 150 (gồm 148 lao động chính thức và 02 lao động thời vụ).

Cơ cấu lao động theo trình độ học vấn và loại hợp đồng ký kết được trình bày ở bảng sau:

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (Người)	Tỷ lệ
A Theo trình độ			
1	Trên Đại học	2	0.22%
2	Đại học	43	4.76%
3	Cao đẳng	3	0.33%
4	Khác	797	88.26%
Tổng cộng		830	
B Theo tính chất hợp đồng lao động			
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	442	48.95%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	403	44.63%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	58	6.42%
Tổng cộng		903	

Chính sách đối với người lao động

Chính sách tuyển dụng

Nhân lực luôn là yếu tố được công ty chú trọng. Hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ vận tải, hằng năm công ty cần số lượng lớn lao động phổ thông phục vụ cho hoạt động xếp dỡ hàng hóa của công ty. Bên cạnh đó, công ty cũng cần những cán bộ có năng lực và trình độ chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm và nhiệt tình với công việc để hỗ trợ, giúp công ty ngày càng phát triển. Vì vậy, chính sách tuyển dụng của công ty rất linh hoạt, phù hợp với tình hình hoạt động của công ty.

Chính sách đào tạo

Công ty luôn xem trọng công tác đào tạo cán bộ công nhân viên. Với mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, có tác phong làm việc chuyên nghiệp, hằng năm công ty thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo, nâng cao năng lực của cán bộ công ty. Bên cạnh đó, công ty còn tổ chức các cuộc thi và khen thưởng cho cán bộ công nhân viên nhằm khuyến khích tinh thần thi đua và sáng tạo trong công việc.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty đã xây dựng chính sách tiền lương riêng thông qua Quy chế trả lương phù hợp với ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Hệ số lương được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ, nhân viên trong công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

- Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật.
- Công đoàn công ty được giao nhiệm vụ chăm lo đến đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ, nhân viên như: khám sức khỏe định kỳ, tổ chức du lịch, phát động phong trào thể thao, văn nghệ nhằm tạo sự đoàn kết trong toàn thể cán bộ, nhân viên.

Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Đầu tư tài chính

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2012 công ty có khoản tiền gửi kỳ hạn ngân hàng là 10 tỷ đồng tăng 2.5 tỷ so với khoản tiền gửi ngân hàng năm 2011 là 7.5 tỷ đồng. Ngoài ra, công ty còn cho Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn vay khoản vay 5 tỷ đồng.



Đầu tư máy móc thiết bị

Trong năm 2012, Ban điều hành SASTECO đã quyết định đầu tư thay mới các trang thiết bị nhằm tăng năng lực cung cấp và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Các thiết bị được đầu tư bao gồm 02 băng chuyền làm hàng trong kho và 02 Gàu ngoạm 6-10m³ điều khiển từ xa bằng Remote.



Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty Cổ phần Logistics Tân Thuận Phong là công ty đầu tiên SASTECO thực hiện góp vốn và cử người đại diện phần vốn góp tham gia điều hành hoạt động kinh doanh. SASTECO đã góp vốn 400 triệu đồng vào dự án.

Ngành nghề chính của công ty Tân Thuận Phong là bốc xếp hàng hóa và các dịch vụ khác hỗ trợ vận tải tại cảng, như vậy với sự liên kết này SASTECO đã giải quyết được vấn đề về nhân lực xếp dỡ, tăng khả năng cung cấp và thực hiện dịch vụ được tốt hơn khi SASTECO là công ty độc quyền về dịch vụ xếp dỡ tại Cảng Sài Gòn.

Kết quả kinh doanh năm 2012 của Công ty Cổ phần Logistics Tân Thuận Phong (từ ngày 10/9-31/12/2012):

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:	7,328,429,901 đồng
Lợi nhuận về bán hàng và cung cấp dịch vụ:	310,398,505 đồng
Tổng lợi nhuận trước thuế:	103,066,153 đồng
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:	85,029,576 đồng

Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2011	2012	2012/2011
Tổng tài sản	Đồng	57,768,625,675	51,540,660,341	(10.78)%
Doanh thu thuần	Đồng	112,149,266,588	113,299,514,038	1.03%
Giá vốn hàng bán	Đồng	99,225,343,247	96,404,427,844	(2.84)%
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	Đồng	12,923,923,611	16,895,086,194	30.73%
Lợi nhuận khác	Đồng	362,569,785	73,196,946	(79.81)%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	5,578,628,233	5,433,485,844	(2.60)%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	4,151,096,175	4,046,383,817	(2.52)%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	8%	8%	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012

Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1.79	2.51
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	1.74	2.46
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	22.30	19.79
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	28.69	24.67
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	177.39	161.33
Hiệu suất sử dụng tài sản	Lần	1.85	1.98
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3.70	3.57
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	9.63	9.63
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6.86	7.05
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4.65	4.73

Hệ số tài chính phản ánh tình trạng hoạt động sản xuất kinh doanh tương đối ổn định của công ty. Các chỉ tiêu về thanh toán năm 2012 tăng cho thấy công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán nợ. ROE và ROA không có nhiều biến động cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mang lại hiệu quả ổn định. Trong tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, kết quả trên là một điểm đáng khích lệ của công ty, tạo động lực để công ty phấn đấu và phát triển hơn trong tương lai.

Cơ cấu cổ đông

Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành:
4,050,000 cổ phiếu

- Cổ phần tự do chuyển nhượng:
4,034,300 cổ phần
- Cổ phần hạn chế chuyển nhượng:
15,700 cổ phần

Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10,000 đồng

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

Cơ cấu cổ đông

STT	Cổ đông	số lượng cổ đông	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	1	2,082,800	51.43%
II	Cổ đông trong nước	645	1,967,200	48.57%
	Cá nhân	640	493,000	12.17%
	Tổ chức	5	1,474,200	36.40%
III	Cổ đông nước ngoài			
	Cá nhân	-	-	-
	Tổ chức	-	-	-
	Tổng cộng	646	4,050,000	4,050,000

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông lớn

Cổ đông lớn	Số lượng cổ phần	TLSH
Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn	2,082,800	51.43%
CTCP Vật Tư Kỹ Thuật Nông Nghiệp Cần Thơ	202,500	5.00%
CTCP Vật Tư Nông Sản	202,500	5.00%
Tổng cộng	2,487,800	61.43%

(*) Căn cứ danh sách cổ đông chốt ngày 01/03/2013



SASTEKO

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- **Tình hình tài chính**
- **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- **Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trải qua năm 2012 với nhiều thử thách do ảnh hưởng từ tình hình khó khăn của nền kinh tế, Ban điều hành công ty đã nỗ lực hết mình để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, triển khai các nghị quyết do Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đề ra. Cụ thể kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của công ty như sau.

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	2012	2011
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	113,299,514,038	112,149,266,858
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	113,299,514,038	112,149,266,858
Giá vốn hàng bán	96,404,427,844	99,225,343,247
LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16,895,086,194	12,923,923,611
Doanh thu hoạt động tài chính	2,707,573,712	3,182,021,595
Chi phí tài chính	53,700,000	84,000,000
Chi phí bán hàng	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14,188,671,008	10,805,886,758
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5,360,288,898	5,216,058,448
Thu nhập khác	804,181,686	696,506,744
Chi phí khác	730,984,740	333,936,959
Lợi nhuận khác	73,196,946	362,569,785
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5,433,485,844	5,578,628,233
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,387,102,027	1,427,532,058
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4,046,383,817	4,151,096,175
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	999	1,025
Cổ tức phân phối	8.00%	8.00%

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm 2012 đạt 113,300 triệu đồng tăng 1.03% so với cùng kỳ năm 2011. Mức lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 16,895 triệu tăng 30.7% so với năm 2011. Nguyên nhân của sự gia tăng đáng kể này là do công ty thực hiện chính sách cắt giảm giá vốn hàng bán. So với năm 2011, giá vốn hàng bán năm 2012 chỉ ở mức 96,404 triệu đồng giảm 2.84%. Lợi nhuận sau thuế của công ty đạt mức 4,046 triệu đồng vượt 0.8% kế hoạch kỳ vọng nhưng thấp hơn so với năm 2011 là 2.53%. Nguyên nhân là do chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tăng mạnh. Trong năm, công ty đã phải chi thêm 3.5 tỷ trợ cấp thất nghiệp cho cán bộ công nhân viên đầy chi phí quản lý doanh nghiệp lên 14,189 triệu đồng tăng 31.31%

Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của công ty được hỗ trợ bởi những điều kiện thuận lợi và bị chi phối bởi các yếu tố khó khăn có thể kể đến như sau:

Thuận lợi

- Đội ngũ cán bộ công nhân viên là một tập thể đoàn kết, vững mạnh, sáng tạo và được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm và luôn tuân thủ các quy định của công ty.
- Luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ có hiệu quả của Ban lãnh đạo Cảng Sài Gòn và các cảng trực thuộc Cảng Sài Gòn và các cổ đông chiến lược trong việc tạo điều kiện để công ty luôn có việc làm, tạo doanh thu và thu nhập ổn định cho người lao động.
- Ban quản lý, điều hành Công ty luôn năng động sáng tạo và có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kinh doanh khai thác cảng biển, có tâm huyết và nắm bắt kịp thời nhu cầu của thị trường để đề ra định hướng và mục tiêu phát triển công ty theo từng thời kỳ một cách phù hợp.
- Công ty được đầu tư trang bị một số lượng lớn các thiết bị, phương tiện, công cụ chuyên dùng phục vụ cho công tác xếp dỡ và đóng gói hàng hóa cùng với đội ngũ công nhân có bề dày truyền thống, được đào tạo bài bản và có kinh nghiệm, luôn tuân thủ các quy định của công ty và Cảng Sài Gòn, từ đó tạo được mức độ tin tưởng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ mà công ty cung cấp.

Khó khăn

- Giá dịch vụ bốc xếp một số mặt hàng phải giảm để cạnh tranh, thu hút khách hàng.
- Chi phí đầu tư tăng, giá nhiên liệu biến động thất thường, chi phí bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp tăng (do mức lương tối thiểu được Nhà nước điều chỉnh tăng) cùng với một số khó khăn khách quan khác đã ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.
- Phương tiện thiết bị cơ giới đa số đã cũ và có công suất nhỏ, lực lượng công nhân bốc xếp chính quy trực tiếp đã lớn tuổi nên năng suất lao động không cao và khó đáp ứng được cường độ lao động theo yêu cầu của chủ hàng.
- Công tác khai thác chưa tốt, chưa tận dụng và phát huy được mối quan hệ hợp tác với các đơn vị vệ tinh nên khi lượng tàu vào Cảng Sài Gòn tăng cao thì phải thuê lao động ngoài với giá cao dẫn đến chi phí thuê ngoài khá cao và có thời điểm chưa đáp ứng yêu cầu của Cảng.
- Bộ máy tổ chức còn cồng kềnh, chưa hợp lý nên một bộ phận người lao động chưa phát huy được hết năng lực công tác. Công tác quản lý còn chông chéo nên hiệu quả quản lý, chất lượng dịch vụ chưa cao.
- Tiền chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã nhiều năm làm việc tại Cảng Sài Gòn là rất lớn năm 2011 là 1.9 tỷ đồng, năm 2012 là 3.5 tỷ đồng và sẽ còn tiếp tục gây khó khăn cho Công ty trong những năm tiếp theo.
- Công ty vẫn chưa khai thác tốt lượng khách hàng ngoài nguồn cung cấp của công ty mẹ là Cảng Sài Gòn. Chưa khai thác hết chức năng ngành nghề, đặc biệt là dịch vụ hàng hải, logistics.



Những tiến bộ đạt được

Công ty tiếp tục củng cố và đẩy mạnh công tác tiếp thị tập trung vào các khách hàng truyền thống, đối tác chiến lược, mở rộng và khai thác nguồn hàng và thị trường mới tại các cảng: Cảng Hải Phòng, SITV tại Phú Mỹ, Cảng Thạnh Phước tại Bình Dương và các cảng khác tại Bà Rịa – Vũng Tàu

Việc đầu tư vốn vào công ty Tân Thuận Phong đã mang đến nhiều lợi ích cho công ty. Trong năm Tân Thuận Phong đã tiếp thị, đưa một số lượng lớn nguồn hàng về Cảng Sài Gòn, tạo thêm việc làm, thu nhập cho người lao động và lợi nhuận của công ty, Đồng thời, qua đó, công ty cũng tham khảo, học hỏi mô hình tổ chức, quản lý, điều hành sản xuất của công ty Tân Thuận Phong để áp dụng vào thực tế của đơn vị, sắp xếp lại bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả, bố trí đúng người, đúng việc,

Công nhân viên của công ty trong năm đã có nhiều sáng kiến, nghiên cứu các ý tưởng, giải pháp kỹ thuật nhằm tiết kiệm chi phí, cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đề trình lên Hội đồng sáng kiến của công ty. Các sáng kiến này đã được Hội đồng đề trình Tổng giám đốc khen thưởng.

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình Hình Tài Sản

Ban điều hành công ty luôn chú trọng công tác quản lý tài chính, tổ chức hạch toán kế toán phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Quy định của pháp luật. Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính sáu tháng được tổ chức kiểm toán và soát xét kịp thời, đúng quy định. Công tác kiểm soát nội bộ được tăng cường ở tất cả các bộ phận. Các quy định về công bố thông tin và quan hệ cổ đông luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2011	31/12/2012	Thay đổi
Tài sản ngắn hạn	Đồng	22,695,566,882	25,516,932,036	12.56%
Tài sản dài hạn	Đồng	35,073,058,793	26,023,728,305	(25.84)%
Tổng giá trị tài sản	Đồng	57,768,625,675	51,540,660,341	(10.75)%
Nợ ngắn hạn	Đồng	12,681,687,953	10,162,972,941	(19.86)%
Nợ dài hạn	Đồng	198,800,000	36,000,000	(81.89)%
Tổng Nợ phải trả	Đồng	12,880,487,953	10,198,972,941	(20.820%
Tổng Nguồn vốn	Đồng	57,768,625,675	51,540,660,341	(0.7)%
Nợ phải trả/tổng vốn	Đồng	22%	20%	

Tài sản ngắn hạn trong năm của công ty tăng trong khi tài sản dài hạn giảm mạnh. Tài sản dài hạn của công ty chủ yếu là máy móc thiết bị và các phương tiện vận tải bị giảm giá trị do các khoản trích khấu hao trong năm. Đây là nguyên nhân làm tổng tài sản công ty sụt giảm trong năm 2012. Cơ cấu vốn của công ty không sử dụng nợ vay, các khoản nợ phải trả của công ty chủ yếu là các khoản phải trả người bán, người lao động và các khoản phải nộp nhà nước,.. Các chỉ tiêu trên giảm kéo theo cơ cấu nợ phải trả trên tổng vốn của công ty giảm. Công ty cũng đồng thời không có nợ đến hạn hay nợ xấu cần thanh toán.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Định hướng sản xuất kinh doanh của Công ty từ năm 2013 đến năm 2015:

- Doanh thu: tăng bình quân hàng năm trên 5%.
- Lợi nhuận: tăng bình quân hàng năm từ 10% đến 15%.
- Cổ tức bình quân hàng năm đạt từ 8% đến 10%.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2013
1	Sản lượng bốc xếp	Tấn	8,500,000
2	Doanh thu	Đồng	105,100,000,000
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	6,540,000,000
4	Cổ tức	%	9
5	Thu nhập bình quân	VND/ người / tháng	5,500,000

Để đạt được mục tiêu trên, công ty sẽ tập trung vào các hoạt động sau:

- Tăng cường công tác quản lý lao động và nâng cao chất lượng dịch vụ. Đáp ứng yêu cầu của Cảng. Tiếp tục là đơn vị chủ lực làm hàng tại Cảng Sài Gòn và tập trung vào các nhóm hàng container, sắt thép thiết bị, hàng xá và đóng/rút ruột container tại bãi.
- Liên kết với các đơn vị như Tân Thuận Phong, Hiệp Thành, SPTS, ĐGSG, Thành công Lợi, Hữu Hóa, Lê quân, Biển xanh Việt, ... để đảm bảo đủ nhân lực thực hiện các khâu bốc xếp, đóng gói, thiết bị và giao nhận đối với nhóm hàng bao và hàng đóng gói tại cầu tàu cũng như tại bãi Cảng.
- Đẩy mạnh công tác tiếp thị tìm nguồn hàng (đặc biệt là hàng gạo, KML, sắt thép thiết bị chuyển tải) nhằm phát triển các dịch vụ tại Cảng Sài Gòn đồng thời với việc vươn ra thị trường tại các Cảng khu vực Tp HCM (Bến Nghé, Tân Thuận Đông, Lotus, Tân Cảng ...) và khu vực Cái Mép – Phú Mỹ. Thành lập VP đại diện tại Phú Mỹ để quản lý và điều hành sản xuất cũng như tiếp thị dịch vụ tại khu vực này.

- Đầu tư đổi mới trang thiết bị xếp dỡ (Tập trung vào: cạp, băng chuyền, hopper, cân treo) để phục vụ sản xuất và cho thuê trang thiết bị.
- Bên cạnh đó, công ty cũng sẽ tăng cường công tác quản lý, tiếp tục sắp xếp lại tổ chức, triển khai quy chế trả lương và thưởng hợp lý kết hợp với tiết kiệm chi phí quản lý và chi phí sản xuất nhằm giảm giá thành, tăng khả năng cạnh tranh và đem lại hiệu quả cho doanh nghiệp. Chú trọng công tác đầu tư cơ sở vật chất và đào tạo nguồn nhân lực để phục vụ quá trình phát triển bền vững của công ty và xây dựng các tổ chức đoàn thể nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.





S
A
T
E
C
O

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hoạt động của Hội đồng quản trị
 - Hoạt động của Ban kiểm soát
 - Thù lao HĐQT, BKS, và BGD

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú	TLSH
1	Nguyễn Quốc Hưng	Chủ tịch	Thành viên điều hành	31,43%
2	Nguyễn Hữu Thành	Thành viên	Thành viên không điều hành (Từ tháng 10/2012 không tham gia điều hành do chuyển công tác)	5%
3	Nguyễn Thị Phương Nga	Thành viên	Thành viên không điều hành	15%
4	Trương Thu Hà	Thành viên	Thành viên điều hành	0,13%
5	Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	Thành viên không điều hành	5%

Các tiểu ban

Hội đồng quản trị công ty không thành lập các tiểu ban chuyên trách. Tuy nhiên, để hỗ trợ hoạt động, Hội đồng quản trị thành lập bộ phận thư ký với biên chế 1 người có nhiệm vụ thực hiện các công việc được Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công, tham gia vào Ban thư ký trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tham gia và lập biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị, dự thảo và trình Chủ tịch HĐQT ký ban hành Nghị quyết, Quyết định, lưu trữ tài liệu của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2012, để quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh cũng như điều hành công ty, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp 4 lần vào các ngày 08/03, 26/04, 16/08 và 07/11/2012.

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Quốc Hưng	Chủ Tịch	4	100%	
2	Nguyễn Hữu Thành	Phó Chủ Tịch	4	100%	
3	Nguyễn Tiến Dũng	Thành Viên	3	75%	Đi công tác nước ngoài, có ủy quyền cho người khác tham dự
4	Nguyễn Thị Phương Nga	Thành Viên	4	100%	
5	Trương Thu Hà	Thành Viên và Kế toán Trưởng	4	100%	

Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm

STT	Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	66A/NQ-HĐQT	20/02/2012	Đồng ý cho Công ty Cổ phần XD&DV Cảng Sài Gòn bán 2 cân treo điện tử 20 tấn
2	131/NQ-HĐQT	29/02/2012	Phê duyệt đơn giá tiền lương 2011
3	149/NQ-HĐQT	13/03/2012	Về kết luận tại phiên họp ngày 08/03/2012
4	197/QĐ-HĐQT	10/04/2012	Về việc thành lập Phòng Kỹ thuật Cơ giới
5	198/QĐ-HĐQT	10/04/2012	Về việc thành lập Phòng Tổ chức Tiền lương
6	199/QĐ-HĐQT	10/04/2012	Về việc thành lập Phòng Hành chính Tổng hợp
7	201/NQ-HĐQT	18/04/2012	Về việc phê duyệt Quy chế trả lương cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần XD&DV Cảng Sài Gòn
8	211/NQ-HĐQT	24/04/2012	Về việc sắp xếp cơ cấu tổ chức và nhân sự của Công ty Cổ phần XD&DV Cảng Sài Gòn
9	234/NQ-HĐQT	27/04/2012	Về kết luận tại phiên họp ngày 26/04/2012
10	236/NQ-HĐQT	07/05/2012	Về việc miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần XD&DV Cảng Sài Gòn
11	317/NQ-HĐQT	01/06/2012	Về việc chấp thuận đầu tư 02 gàu ngoạm 6-10 m3 điều khiển từ xa bằng Remote
12	333/NQ-HĐQT	14/08/2012	Về việc chấp thuận góp vốn thành lập công ty cổ phần
13	340/NQ-HĐQT	17/08/2012	Về việc kết luận tại phiên họp ngày 16/08/2012
14	347/QĐ-HĐQT	24/08/2012	Về việc thôi nhiệm vụ Thư kí HĐQT Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn

15	348/QĐ- HĐQT	24/08/2012	Về việc bổ nhiệm Thư kí HĐQT Công ty Cổ phần Xếp Dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn
16	349/QĐ- HĐQT	27/08/2012	Về việc phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2012
17	351A/QĐ- HĐQT	30/08/2012	Về việc chấp thuận thay đổi thành viên góp vốn thành lập công ty cổ phần
18	351B/QĐ- HĐQT	30/08/2012	Về việc góp vốn thành lập và cử người đại diện theo ủy quyền trong Công ty cổ phần
19	368/NQ- HĐQT	12/09/2012	Về việc bổ nhiệm cán bộ
20	416/NQ- HĐQT	28/09/2012	Về việc bổ nhiệm Trưởng Phòng Tổ chức Tiền lương
21	430/NQ- HĐQT	15/10/2012	Về việc chấp thuận đầu tư mua xe bán tải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
22	459/NQ- HĐQT	30/10/2012	Về việc kí hợp đồng lao động với chức danh Phó Trưởng Phòng Kinh doanh Khai thác của Công ty Cổ phần Xếp dỡ và dịch vụ Cảng Sài Gòn
23	479/NQ- HĐQT	13/11/2012	Về kết luận Phiên họp ngày 07/11/2012
24	491/NQ- HĐQT	26/11/2012	Về việc điều động và bổ nhiệm nhân sự lãnh đạo tại các cơ quan trực thuộc

Danh sách Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản lý công ty

Hiện tại, Hội đồng quản trị công ty chưa có thành viên được cấp chứng nhận quản lý công ty. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị công ty cam kết sẽ tham gia đầy đủ các buổi đào tạo về quản trị công ty khi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước tổ chức thực hiện.

Hoạt động của Ban kiểm soát

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Tâm	Trưởng Ban	Bắt đầu tham gia từ 15/10/2012
2	Nguyễn Anh Thành	Thành viên	Bắt đầu tham gia từ 15/10/2012
3	Lý Thanh Tùng	Thành viên	
4	Phan Thị Hồng Thắm	Thành viên	Không tham gia từ 15/10/2012
5	Nguyễn Văn Lập	Thành viên	Không tham gia từ 15/10/2012

Trong năm 2012 Ban Kiểm soát có sự thay đổi nhân sự theo Nghị quyết số 02/2012/NQ-ĐHĐCĐ thông qua nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, như sau:

- Miễn nhiệm bà Phan Thị Hồng Thắm và bầu bổ sung ông Nguyễn Ngọc Tâm là thành viên Ban Kiểm soát Công ty;
- Miễn nhiệm ông Nguyễn Văn Lập và bầu bổ sung ông Nguyễn Anh Thành là thành viên Ban Kiểm soát Công ty;

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2012

Trong năm 2012 Ban kiểm soát đã tổ chức hoạt động kiểm soát theo đúng quy định của điều lệ công ty, cụ thể như sau:

- Kiểm soát Báo cáo tài chính năm 2012
- Kiểm soát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và ban điều hành năm 2012
- Đánh giá sự phù hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động kinh doanh của công ty

Về tính tuân thủ pháp luật kế toán, thuế, quy chế tài chính của Công ty:

- Hoàn thành tốt các nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.
- Đã thực hiện công tác soát xét tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán cả năm 2012.
- Ban kiểm soát nhận xét chưa phát hiện sai sót nào của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

Đánh giá của Ban kiểm soát về hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã duy trì chế độ họp định kỳ theo đúng quy định. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã trực tiếp làm việc với Ban điều hành và các phòng ban công ty để tiến hành nghiên cứu các cơ hội đầu tư, chỉ đạo và tháo gỡ khó khăn của công ty, nên trong năm hoạt động của công ty khá ổn định, các chỉ tiêu kế hoạch đề ra đều được hoàn thành.
- Tuy nhiên, công ty vẫn chưa tận dụng hết tiềm năng và lợi thế kinh doanh của mình, công tác khai thác chưa đạt hiệu quả cao nên khi lượng tàu vào Cảng Sài Gòn tăng cao thì phải thuê thêm lực lượng lao động bên ngoài với giá cao dẫn đến việc gia tăng chi phí.

Thù lao của Thành viên HĐQT và BKS

Với SASTECO chính sách lương thưởng luôn thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và theo hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Đơn vị: triệu đồng

ST T	Họ và tên	Lương	Thù lao	Thưởng	Tổng cộng	Ghi chú
1	Hội đồng quản trị	109	126	1.5	237	
	Nguyễn Quốc Hưng		30		30	
	Nguyễn Hữu Thành	109	24	1.5	135	10/2012
	Nguyễn Thị Phương Nga		24		24	
	Trương Thu Hà		24		24	
	Nguyễn Tiến Dũng		24		24	
2	Ban kiểm soát	145,	48	12	205	
	Nguyễn Ngọc Tâm		5		5	15/10/2012
	Nguyễn Anh Thành	47	2.5	6	55	15/10/2012
	Lý Thanh Tùng		12		12	
	Phan Thị Hồng Thắm		19		19	15/10/2012
	Nguyễn Văn Lập	98	9.5	6	114	15/10/2012
3	Ban điều hành	711		33	745	
	Nguyễn Quốc Hưng	206		8	214	
	Hoàng Đình Thắng	46		6	52	T5/2012
	Phan Minh Trí	150		6	156	
	Chu Văn Quý	151		6	157	
	Trương Thu Hà	158		7	166	

Thực hiện quy định quản trị công ty

Trong năm công ty thực hiện đầy đủ và tuân theo quy chế quản trị nội bộ công ty. Năm 2013, Hội đồng quản trị đang cân nhắc việc cấu trúc lại quy chế quản trị nội bộ, bổ sung các điều khoản mới và phù hợp quy định mới của UBCKNN, đồng thời phù hợp hơn với tình hình kinh doanh cũng như năng lực quản trị của công ty.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số: 1926/BCKT/TC/NV8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN**Về Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn**

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn lập ngày 08 tháng 03 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 6 đến trang 19 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp nhận.

**Bùi Đức Vinh****Phó Giám đốc**

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0654/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)

TP Hà Nội, Ngày 10 tháng 03 năm 2013

**Ths. Nguyễn Bảo Trung****Kiểm toán viên**

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0373/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Tminh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN(100=110+120+130+140+150)	100		25,516,932,036	22,695,566,882
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4,494,259,740	3,918,211,938
1.Tiền	111	V.01	4,494,259,740	3,918,211,938
2.Các khoản tương đương tiền	112			
II.Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10,000,000,000	7,500,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn (TK 121,128)	121		10,000,000,000	7,500,000,000
2.Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (TK 129)	129			
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.02	10,453,433,411	10,671,843,865
1.Phải thu của khách hàng	131		10,011,676,149	10,302,994,666
2.Trả trước cho người bán	132		267,072,000	25,000,000
3.Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4.Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134			
5.Các khoản phải thu khác	135	V.03	174,685,262	343,849,199
6.Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
IV.Hàng tồn kho	140		531,238,885	587,511,079
1.Hàng tồn kho	141	V.04	531,238,885	587,511,079
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		38,000,000	18,000,000
1.Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3.Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.05		

4. Tài sản ngắn hạn khác	158		38,000,000	18,000,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN(200=210+220+250+260)	200		26,023,728,305	35,073,058,793
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		20,304,288,836	21,794,889,387
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	20,284,288,836	21,794,889,387
- Nguyên giá	222		50,567,770,356	51,096,057,871
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30,283,481,520)	(29,301,168,484)
2. TSCĐ vô hình	227	V.10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	20,000,000	
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5,400,000,000	13,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		400,000,000	
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	5,000,000,000	13,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
IV. Tài sản dài hạn khác	260		319,439,469	278,169,406
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	319,439,469	278,169,406
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	261	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		51,540,660,341	57,768,625,675

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Tminh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A-NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		10,198,972,941	12,880,487,953
I.Nợ ngắn hạn	310		10,162,972,941	12,681,687,953
1.Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
2.Phải trả người bán	312		940,187,272	2,838,948,833
3.Người mua trả tiền trước	313			
4.Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	1,130,536,212	1,189,266,501
5.Phải trả người lao động	315		4,486,291,668	6,086,974,965
6.Chi phí phải trả	316	V.17	212,042,000	
7.Phải trả nội bộ	317			
8.Phải trả theo tiến độ hợp đồng	318			
9.Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	2,219,235,679	628,965,320
10.Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		1,174,680,110	1,937,532,334
II.Nợ dài hạn	330		36,000,000	198,800,000
1.Phải trả dài hạn người bán	331			
2.Phải trả dài hạn nội bộ	332	V,19		
3.Phải trả dài hạn khác	333		36,000,000	198,800,000
4.Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
5.Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6.Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7.Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		41,341,687,400	44,888,137,722
I.Vốn chủ sở hữu	410	V.22	41,341,687,400	44,888,137,722
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40,500,000,000	40,500,000,000
2.Thặng dư vốn cổ phần	412			
3.Vốn khác của chủ sở hữu	413			

4.Cổ phiếu quỹ	414		
5.Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		
6.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		
7.Quỹ đầu tư phát triển	417	511,188,442	349,333,089
8.Quỹ dự phòng tài chính	418	267,627,441	146,235,926
9.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		
10.Lợi nhuận sau thuế đã phân phối	420		3,892,568,707
11.Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		
		62,871,517	
II.Nguồn vốn kinh phí quỹ khác	430	-	-
1.Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		
2.Nguồn kinh phí	432	V.23	
3.Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	51,540,660,341	57,768,625,675

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	T.minh	SỐ ĐẦU KỲ	SỐ CUỐI KỲ
1.Tài sản thuê ngoài				
2.Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ,nhận gia công				
3.Hành hóa nhận bán hộ				
4.Nợ khó đòi đã xử lý				
5.Ngoại tệ các loại				
6.Dự toán chi sự nghiệp				

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()



Nguyễn Quốc Hưng
Tổng Giám đốc
TP Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2013

Trương Thu Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Lập
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2012

Đơn vị tính : **Đồng**

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	THỰC HIỆN	
			NĂM 2012	NĂM 2011
1	2	3	6	7
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	113,299,514,038	112,149,266,858
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01 - 02)	10		113,299,514,038	112,149,266,858
4.Gái vốn bán hàng	11	VI.27	96,404,427,844	99,225,343,247
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		16,895,086,194	12,923,923,611
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2,707,573,712	3,182,021,595
7.Chi phí tài chính	22	VI.28	53,700,000	84,000,000
Trong đó : Chi phí lãi vay	23			
8.Chi phí bán hàng	24			
9.Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14,188,671,008	10,805,886,758
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20 - 22) - (24 + 25)]	30		5,360,288,898	5,216,058,448
11.Thu nhập khác	31		804,181,686	696,506,744
12.Chi phí khác	32		(730,984,740)	(333,936,959)
13.Lợi nhuận khác (40=31 - 32)	40		73,196,946	362,569,785
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30 + 40)	50		5,433,485,844	5,578,628,233
15.Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	1,387,102,027	1,427,532,058
16.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17.Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4,046,383,817	4,151,096,175
18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		9.99%	10.25%



Nguyễn Quốc Hưng
Tổng Giám đốc
TP Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2013

Trương Thu Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Lập
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
NĂM 2012

Đơn vị tính :
Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	THỰC HIỆN	
			NĂM 2012	NĂM 2011
1	2	3	6	7
I- Lưu chuyển tiền từ hoạt động Kinh Doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01		123,866,818,921	123,246,094,983
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		-23,354,486,623	35,808,053,012
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-64,778,757,011	66,747,895,854
4. Tiền chi trả lãi vay	04			-
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	05		-1,614,086,637	-1,159,140,600
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,977,729,207	12,458,177,346
7. Tiền chi khác cho HĐKD	07		-34,965,327,597	37,035,706,089
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động S.X.K.D			1,131,890,260	-5,046,523,226
II- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và dài hạn khác	21		-2,989,879,500	-285,680,000
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TS dài	22		775,000,000	526,515,000
3. Tiền chi cho vay, mua CC nợ của ĐV khác	23		-110,200,000,000	205,071,120,307
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại CC nợ của ĐV khác	24		116,100,000,000	208,271,120,307
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-400,000,000	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn ĐV khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chi	27		1,065,740,375	2,673,179,201
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu			4,350,860,875	6,114,014,201

tư

III- Lưu chuyển tiền từ hoạt động Tài Chính	30		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp CSH	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại	32		
3. Tiền vay ngắn hạn dài hạn nhận được	33		
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho CSH	36	-4,906,703,333	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-4,906,703,333	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	5,482,751,135	1,067,490,975
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	3,918,211,938	2,850,720,963
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	4,494,259,740	3,918,211,938



Nguyễn Quốc Hưng
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2013

Trương Thu Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Lập
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo Tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn được chuyển đổi từ chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Cảng Sài Gòn – Xí nghiệp Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn, số đăng ký kinh doanh 0310346174 đăng ký lần đầu ngày 30/09/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 02/12/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp .

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Vốn điều lệ của Công ty là 40.500.000.000 đồng tương ứng 4.050.000 cổ phần.

Danh sách cổ đông sáng lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh :

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Số tiền (nghìn đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)
1	Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn	2.082.800	20.828.000.000	51,43
2	Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	202.500	2.025.000.000	5,00
3	Công ty CP Vật tư Nông Sản	202.500	2.025.000.000	5,00
4	Trương Thu Hà	5.300	53.000.000	0,13
5	1305 Cổ đông khác	1.556.900	15.569.000.000	38,44
	Tổng cộng	4.050.000	40.500.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : Số 1B Trương Đình Hội, Phường 18, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310346174 ngày 02 tháng 12 năm 2011, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa.
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ logistics.
- Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)
- Đại lý, môi giới, đấu giá. (chi tiết đại lý)
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan chi tiết; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (Trừ kinh doanh dầu mỏ hóa long LPG tại trụ sở). Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác
- Sửa chữa máy móc thiết bị (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)
- Hoàn thiện công trình xây dựng

- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và Quyết định số 79/2009 / QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh).
- Dịch vụ liên quan đến in
- Xây dựng nhà các loại
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: bán lẻ thịt, thủy sản, rau, quả; đường sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/ QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và Quyết định số 79/2009 / QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh).
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở).
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động chi tiết: Nhà hàng
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác, dịch vụ vệ sinh tàu biển.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Chuẩn bị mặt bằng
- Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế công trình, khảo sát xây dựng, giám sát thi công)
- Quảng cáo
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động môi giới thương mại (trừ môi giới bất động sản, chứng khoán), môi giới bản quyền
- Cho thuê xe có động cơ
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dung hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa phân vào đâu
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh

- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (trừ thiết kế công trình)

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ sử dụng trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Riêng chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm tài chính được áp dụng theo Thông tư số 179/2009/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính hướng dẫn việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao áp dụng : TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CĐKT

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2012	01/01/2012
1 . Tiền		
Tiền mặt	220.801.052	70.139.727
Tiền gửi ngân hàng	4.273.458.688	3.848.072.211
Cộng	4.494.259.740	3.918.211.938
2 . Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm	10.000.000.000	7.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	-	-
Cộng	10.000.000.000	7.500.000.000
3 . Các khoản phải thu ngắn hạn		
Phải thu khách hàng (*)	10.011.676.149	10.302.994.666
Trả trước cho người bán (**)	267.072.000	25.000.000
Phải thu khác	174.685.262	343.849.199
Cộng	10.453.433.411	10.671.843.865
(*) Số dư phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2012 bao gồm		10.011.676.149
- Công ty TNHH DV VT Đông gói Sài Gòn		26.874.100
- Cảng Tân Thuận		3.487.994.472
- Công ty CP Vật tư Nông sản Hà Nội		24.365.550
- Công ty TNHH Đại lý và Môi giới Vận tải Biển Quốc tế		100.517.070
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam		98.646.350
- Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng		451.000.000
- Cảng Tân Thuận 2		27.242.600
- Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội		5.795.036.007
(**) Số dư trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2012 bao gồm		267.072.000
- Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm		267.072.000
4 . Hàng tồn kho		
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	258.840.404	55.230.899
Công cụ, dụng cụ	249.113.491	465.572.130
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm	-	-
Hàng hóa	23.284.990	66.708.050
Cộng giá gốc hàng tồn kho	531.238.885	587.511.079
5 . Tài sản ngắn hạn khác		
Ký quỹ ngắn hạn	18.000.000	18.000.000
Tạm ứng tiền thuế TNLĐ	20.000.000	-
Cộng	38.000.000	18.000.000

235
ONK
NH
AN H
KIEN
VIET
TU

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

6 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	DVT: VND				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý TSCĐ khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012	4.142.100.193	5.775.206.577	40.349.381.378	829.369.723	51.096.057.871
-Mua trong năm		645.000.000	2.000.000.000	78.072.273	2.723.072.273
-XDCB hoàn thành					-
-Tăng khác					-
-Chuyển sang BĐSĐT					-
-Thanh lý		(339.047.619)	(2.912.312.169)		(3.251.359.788)
-Giảm khác					-
Tại ngày 31/12/2012	4.142.100.193	6.081.158.958	39.437.069.209	907.441.996	50.567.770.356
HAO MÓN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012	1.671.252.905	2.655.684.191	24.739.338.660	234.892.728	29.301.168.484
-Khấu hao trong năm	218.782.116	426.250.114	2.818.467.394	103.814.060	3.567.313.684
-Bàn giao CPH					-
-Chuyển sang BĐSĐT					-
-Thanh lý		(223.650.669)	(2.361.349.979)		(2.585.000.648)
-Phân loại lại tài sản					-
Tại ngày 31/12/2012	1.890.035.021	2.858.283.636	25.196.456.075	338.706.788	30.283.481.520
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2012	2.470.847.288	3.119.522.386	15.610.042.718	594.476.995	21.794.889.387
Tại ngày 31/12/2012	2.252.065.172	3.222.875.322	14.240.613.134	568.735.208	20.284.288.836

7 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012	01/01/2012
- Chi phí khảo sát phần mềm	20.000.000	
Cộng	20.000.000	-

8 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
Đầu tư vào Công ty con		
Đầu tư vào Công ty liên kết	-	-
- Công ty Cổ phần Logistics Tân Thuận Phong (*)	400.000.000	
Đầu tư dài hạn khác	5.000.000.000	13.000.000.000
- Cho Công ty TNHH MTV Cảng Sài Gòn vay	5.000.000.000	13.000.000.000
Cộng	5.400.000.000	13.000.000.000

(*) Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311960563 đăng ký lần đầu ngày 10/09/2012 của Công ty Cổ phần Logistics Tân Thuận Phong thì Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn chiếm 40% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 5 tỷ đồng). Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2012 công ty mới chuyển góp vốn là 400 triệu VND.

9 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
Chi phí công cụ dụng cụ phân bổ dần	308.780.958	268.684.557
Chi phí bảo hiểm	10.658.511	9.484.849
Cộng	319.439.469	278.169.406

T. T. P.
 V. V.
 T. H. H.
 T. O. A.
 T. O. A.
 V. I. A. M.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

10 . Phải trả người bán

	31/12/2012	01/01/2012
Phải trả người bán (***)	940.187.272	2.838.948.833
Cộng	940.187.272	2.838.948.833
(***) Số dư phải trả cho người bán tại ngày 31/12/2012 bao gồm		
- DNTN Lê Quấn		133.832.270
- Công ty CP XNK và DV Cảng Sài Gòn		195.492.282
- Công ty CP Kỹ thuật TMDV Cảng Sài Gòn		222.854.720
- Công ty TNHH SX TM và DV Hàng Hải Tân Vĩnh Lộc		39.600.000
- Công ty TNHH DV Vận tải Biển Xanh Việt		169.884.000
- Trung tâm Tư vấn Công nghệ mới		9.212.000
- Công ty TNHH MTV Thành Công Lợi		8.192.000
- Công ty CP Chứng khoán FPT-CN TPHCM		90.220.000
- Trung tâm Đào nghề KT CN Cảng Sài Gòn		16.500.000
- Công ty TNHH MTV TM DV Hữu Hóa		54.400.000
Cộng		940.187.272

10 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
Thuế giá trị gia tăng	760.074.091	603.664.299
Thuế thu nhập doanh nghiệp	321.199.025	548.183.635
Thuế thu nhập cá nhân	49.263.096	37.418.567
Cộng	1.130.536.212	1.189.266.501

11 . Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
Trích trước chi phí kiểm toán	50.000.000	
Trích trước chi phí thuê xe gạt	162.042.000	
Cộng	212.042.000	-

12 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
Kinh phí công đoàn	504.901.119	350.913.944
Bảo hiểm xã hội, Y tế	-	38.718.649
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.714.334.560	239.332.727
Cộng	2.219.235.679	628.965.320

13 . Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối
Năm trước					
Tại ngày 01/01/2011	40.500.000.000				839.376.529
- Tăng vốn năm trước			146.235.926	349.333.089	-
- Lãi trong năm trước					4.151.096.175
- Tăng khác					
- Giảm vốn năm trước					
- Phân phối quỹ					(495.569.015)
- Giảm khác					(602.334.982)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

Năm nay					
Tại ngày 01/01/2012	40.500.000.000	-	146.235.926	349.333.089	3.892.568.707
- Tăng vốn năm nay		-	121.391.515	161.855.353	
- Lãi trong năm nay		-	-	-	4.046.383.817
- Phân phối quỹ		-	-	-	
- Trả cổ tức		-	-	-	(7.127.500.000)
- Giảm khác		-	-	-	(748.581.007)
Tại ngày 31/12/2012	40.500.000.000	-	267.627.441	511.188.442	62.871.517

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn đăng ký tại ngày 01/01/2012		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH một thành viên Cảng Sài Gòn	20.828.000.000	51,43	20.828.000.000	51,43
Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	2.025.000.000	5,00	2.025.000.000	5,00
Công ty CP Vật tư Nông Sản	2.025.000.000	5,00	2.025.000.000	5,00
Trương Thu Hà	53.000.000	0,13	53.000.000	0,13
Các cổ đông khác (1305 cổ đông)	15.569.000.000	38,44	15.569.000.000	38,44
Cộng	40.500.000.000	100	40.500.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	
Vốn góp đầu kỳ	
Vốn góp tăng trong kỳ	40.500.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-
Vốn góp cuối kỳ	40.500.000.000

d. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.050.000	4.050.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.050.000	4.050.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.050.000	4.050.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.050.000	4.050.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.050.000	4.050.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000đ/1CP	10.000đ/1CP

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Quỹ đầu tư phát triển	511.188.442	349.333.089
Quỹ dự phòng tài chính	267.627.441	146.235.926
Cộng	778.815.883	495.569.015

102
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BCKQHĐKD

14 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	113.299.514.038	112.149.266.858
Cộng	113.299.514.038	112.149.266.858

15 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	113.299.514.038	112.149.266.858
Cộng	113.299.514.038	112.149.266.858

16 . Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ cung cấp	96.404.427.844	99.225.343.247
Cộng	96.404.427.844	99.225.343.247

17 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.527.740.379	3.126.521.595
Cổ tức được chia	13.333.333	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	166.500.000	55.500.000
Cộng	2.707.573.712	3.182.021.595

18 . Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí tài chính khác	53.700.000	84.000.000
Cộng	53.700.000	84.000.000

19 . Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	704.545.455	478.877.273
Nhập vốn bảo dư	2.406.250	111.838.380
Thu nhập khác	97.229.981	105.791.091
Cộng	804.181.686	696.506.744

20 . Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại thanh lý tài sản	666.359.140	316.027.866
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	16.000.000	15.000.000
Chi phí khác	48.625.600	2.909.093
Cộng	730.984.740	333.936.959

21 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay
Lợi nhuận trước thuế	5.433.485.844
Các khoản điều chỉnh tăng giảm (+/-)	114.922.263
- Chi phí không hợp lệ	24.255.596
- Chi phụ cấp hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	104.000.000
- Cổ tức nhận được từ công ty liên kết	13.333.333
Thu nhập tính thuế	5.548.408.107
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành theo thuế suất phổ thông 25%	1.387.102.027
Thuế TNDN phải nộp năm hiện hành	1.387.102.027

TOÀN
TOÀN
TAM

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

22 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.046.383.817
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.046.383.817
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	4.050.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	999

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị giao dịch</u>
Công ty TNHH một thành viên Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ	Dịch vụ bốc xếp	1.944.047.053
Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội - Công ty TNHH một thành viên Cảng Sài Gòn	CN thuộc Công ty mẹ	Dịch vụ bốc xếp	66.717.011.356
Cảng Tân Thuận - Công ty TNHH một thành viên Cảng Sài Gòn	CN thuộc Công ty mẹ	Dịch vụ bốc xếp	28.211.148.318
Cảng Tân Thuận 2 - Công ty TNHH một thành viên Cảng Sài Gòn	CN thuộc Công ty mẹ	Dịch vụ bốc xếp	4.746.834.775
CN Công ty TNHH một thành viên Cảng Sài Gòn tại Vũng Tàu	CN thuộc Công ty mẹ	Dịch vụ bốc xếp	559.620.000
Cảng Hành khách Tàu biển - Công ty TNHH một thành viên Cảng Sài Gòn	CN thuộc Công ty mẹ	Dịch vụ bốc xếp	41.751.874
Trung Tâm KD BĐS - Công ty TNHH một thành viên Cảng Sài Gòn	CN thuộc Công ty mẹ	Dịch vụ vận hành trạm điện	183.857.727

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>GT phải thu/ phải trả</u>
Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội - Công ty TNHH một thành viên Cảng Sài Gòn	CN thuộc Công ty mẹ	Dịch vụ bốc xếp	5.795.036.007
Cảng Tân Thuận 2 - Công ty TNHH một thành viên Cảng Sài Gòn	CN thuộc Công ty mẹ	Dịch vụ bốc xếp	27.242.600
Cảng Tân Thuận 1 - Công ty TNHH một thành viên Cảng Sài Gòn	CN thuộc Công ty mẹ	Dịch vụ bốc xếp	3.487.994.472
Công ty TNHH một thành viên Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ	Vay vốn kinh doanh	5.000.000.000

02. Áp dụng quy định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Ngoài ra, thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

03. Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	4.494.259.740	3.918.211.938	4.494.259.740	3.918.211.938
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-
<i>Trong đó:</i>	15.400.000.000	20.500.000.000	15.400.000.000	20.500.000.000
<i>Các khoản đầu tư dài hạn</i>	5.400.000.000	13.000.000.000	5.400.000.000	13.000.000.000
<i>Các khoản đầu tư ngắn hạn</i>	10.000.000.000	7.500.000.000	10.000.000.000	7.500.000.000
Phải thu khách hàng	10.011.676.149	10.302.994.666	10.011.676.149	10.302.994.666
Các khoản phải thu khác	174.685.262	343.849.199	174.685.262	343.849.199
Cộng	30.080.621.151	35.065.055.803	30.080.621.151	35.065.055.803
B. Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả cho người bán	940.187.272	2.838.948.833	940.187.272	2.838.948.833
Phải trả cho người lao động	4.486.291.668	6.086.974.965	4.486.291.668	6.086.974.965
Chi phí phải trả	212.042.000	-	212.042.000	-
Các khoản phải trả khác	2.219.235.679	628.965.320	2.219.235.679	628.965.320
Cộng	7.857.756.619	9.554.889.118	7.857.756.619	9.554.889.118

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

02
 CÔNG
 NHÉ
 ANH
 VIÊN
 TIẾT
 TÀI

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Do đó Công ty không tính dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố tại ngày 31/12/2012. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Chỉ tiêu	Từ 01 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ		-		-
Phải trả cho người bán	2.838.948.833	-	-	2.838.948.833
Phải trả người lao động	6.086.974.965	-	-	6.086.974.965
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	628.965.320	-	-	628.965.320
Cộng	9.554.889.118	-	-	9.554.889.118

118
 TỶ
 ƯU HÃ
 TOÁN
 TOÁN
 118

Số cuối năm

Vay và nợ				-
Phải trả cho người bán	940.187.272	-	-	940.187.272
Phải trả người lao động	4.486.291.668	-	-	4.486.291.668
Chi phí phải trả	212.042.000,00	-	-	212.042.000,00
Các khoản phải trả khác	2.219.235.679	-	-	2.219.235.679
Cộng	7.857.756.619	-	-	7.857.756.619

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 03 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

08. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA). Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.



Nguyễn Quốc Hưng
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2013

Trương Thu Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Lập
Người lập biểu

Báo cáo thường niên năm 2012
Công ty Cổ phần Xếp Dỡ và Dịch Vụ Cảng Sài Gòn
TP. HCM, Ngày 20 tháng 3 năm 2013
Tổng Giám Đốc

Nguyễn Quốc Hưng